

BÀN VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

GS. NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Đặt vấn đề

"Chương trình giáo dục (Curriculum) là sản phẩm của thời đại" (P.F.Oliva, 1988). Như vậy, chương trình giáo dục (sau đây gọi tắt là chương trình) vừa là công cụ để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho thời đại, vừa là thước đo trình độ phát triển của giáo dục trong thời đại mà nó phục vụ. Trong mọi nền giáo dục thì chương trình là yếu tố quan trọng nhất, vì xét cho cùng, toàn bộ hoạt động của thầy, trò, nhà quản lý là nhằm thực hiện thành công chương trình của lớp mình, trường mình cũng như của toàn hệ thống giáo dục quốc dân.

Do tầm quan trọng có tính quyết định của chương trình đối với chất lượng giáo dục nói chung, trong đó có chất lượng giáo dục phổ thông, bậc học cung cấp nguồn nhân lực được đào tạo có trình độ cao, trực tiếp tham gia vào thị trường lao động, hoặc học lên các bậc cao hơn, nên khoa học về chương trình giáo dục đã được phát triển từ đầu thế kỉ XX. Trải qua hơn 100 năm phát triển, ngành khoa học này đã nghiên cứu hàng chục mô hình phát triển chương trình giáo dục phản ánh trung thực trình độ phát triển của khoa học giáo dục cũng như trình độ phát triển kinh tế xã hội ở mỗi thời đại mà nó phục vụ.

Đến đây, cần làm rõ hơn và thống nhất cách hiểu khái niệm chương trình giáo dục.

Rõ ràng, có nhiều định nghĩa khác nhau về thuật ngữ "chương trình giáo dục", nhưng liệu có ai trong chúng ta nhìn thấy và mô tả một thực thể được gọi là chương trình giáo dục không? Đó là văn bản chương trình khung do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành? Hay đó là kế hoạch dạy - học do các bộ môn biên soạn? Hay đó còn là toàn bộ hoạt động dạy - học, thí nghiệm, thực tập, kiểm tra đánh giá v.v... đang diễn ra hàng ngày trong trường? Hay đó còn là những năng lực, phẩm chất mà người học sinh tốt nghiệp bậc trung học thể hiện khi tham gia thị trường lao động hoặc học cao hơn.

Khó có thể thuyết phục mọi người thừa nhận toàn bộ những vấn đề nêu trên nằm trong nội hàm của khái niệm chương trình giáo dục.

Các nhà khoa học về phát triển chương trình giáo dục trên thế giới cũng đã trải qua 3 giai đoạn

(mô hình nhị nguyên, mô hình liên kết, mô hình đồng tâm) trước khi thừa nhận mô hình chu trình, tức là khâu thiết kế, khâu thực thi, khâu đánh giá cải tiến chương trình diễn ra liên tục, đan xen nhau, bổ sung nhau và tiếp diễn không ngừng.

Vậy cần thống nhất một định nghĩa về khái niệm chương trình giáo dục và các khái niệm liên quan trước khi bàn tới việc thiết kế, thực thi và đánh giá chương trình giáo dục.

2. Các khái niệm công cụ

2.1. Nhóm khái niệm về chương trình giáo dục

a. *Chương trình giáo dục (Curriculum)* là một bản kế hoạch trình bày một cách có hệ thống toàn bộ hoạt động giáo dục hoặc đào tạo tại một cơ sở giáo dục trong một thời gian xác định, bao gồm: mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, nội dung đào tạo với độ rộng và sâu tương ứng với chuẩn đầu ra, phương thức đào tạo, hình thức tổ chức dạy học với các phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học phù hợp và cuối cùng là hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo (đối chiếu với chuẩn đầu ra).

b. *Mục tiêu chương trình giáo dục* là cái đích mà người học phải tuân thủ về các mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mục tiêu định hướng cho việc xác định chuẩn đầu ra.

c. *Chuẩn đầu ra*. Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục là tổng hòa kiến thức, kỹ năng, bao gồm kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề, cũng như các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và thái độ như phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân mà người học phải và có thể thực hiện được sau khi học xong để đáp ứng một cách sáng tạo yêu cầu hiện tại và tương lai tại vị trí làm việc tương ứng hay khi học ở các bậc cao hơn. Chuẩn đầu ra được xây dựng trên cơ sở năng lực.

d. *Năng lực* được hiểu là "tổ hợp các hoạt động dựa trên sự huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ) khác nhau để giải quyết vấn đề hoặc có cách ứng xử phù hợp trong bối cảnh phức tạp của cuộc sống".

Tổ hợp các hoạt động tức là các thao tác huy động một cách có ý thức và hợp lý các nguồn kiến



thức khác nhau, trong đó có các kiến thức tiếp thu được trong trường, cả những kiến thức có trong cuộc sống hàng ngày của học sinh.

Điều này có nghĩa là những kiến thức, kỹ năng học được trong trường không những được sử dụng như một phương tiện để hành động, mà còn là công cụ để tư duy. Đó không phải là những kiến thức, kỹ năng đơn lẻ, được sắp xếp bên cạnh nhau một cách cơ học, và được sử dụng một cách tự động hoá. Đó là khả năng huy động một cách có chủ đích các nguồn kiến thức, kinh nghiệm sống khác nhau, kể cả hỏi ý kiến bạn bè, thầy cô để tìm ra câu trả lời hay giải pháp phù hợp cho các vấn đề trong cuộc sống luôn phát triển, hoặc để kiến tạo kiến thức mới.

Thông thường, ở bậc phổ thông, chuẩn đầu ra/năng lực được xác lập ở cả 2 lĩnh vực lớn.

- Chuẩn đầu ra – năng lực chung xuyên suốt bậc học.

- Chuẩn đầu ra – năng lực liên quan đến các môn học.

* Nhóm chuẩn đầu ra/năng lực chung xuyên suốt bậc học, có thể bao gồm:

(1) Năng lực giải quyết vấn đề;

(2) Năng lực thu thập, xử lý thông tin;

(3) Năng lực tư duy phê phán;

(4) Năng lực chấp nhận phương pháp làm việc hiệu quả;

(5) Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

(6) Năng lực hợp tác, làm việc nhóm;

(7) Năng lực giao tiếp hiệu quả (bằng ngôn ngữ, ngoại ngữ, phương tiện).

Mỗi năng lực được vi phân thành những dấu hiệu (feature) cấu thành năng lực đó để dễ rèn luyện và đánh giá.

* Nhóm chuẩn đầu ra/năng lực liên quan đến các môn khoa học ở bậc phổ thông

Ở bậc THCS có thể là:

- Toán,

- Tiếng Việt,

- Các môn khoa học và công nghệ,

- Các môn khoa học xã hội nhân văn,

- Các môn khoa học về đời sống.

Ở bậc THPT có thể phân ban hoặc ban cơ bản.

e. Quá trình dạy học trên cơ sở chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra trên cơ sở năng lực quy định quá trình dạy học.

(1) Dạy học tích hợp

Việc rèn luyện năng lực như định nghĩa ở trên đòi hỏi phải tổ chức dạy học các môn học sao cho học sinh có thể huy động và sử dụng các khối kiến

thức rộng, như Toán, Tiếng Việt, Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Khoa học xã hội và Nhân văn, giá trị sống và kỹ năng sống v.v.... Quá trình dạy học tích hợp giúp học sinh các phương thức huy động các khối kiến thức này theo các phương án khác nhau để tiếp tục kiến tạo kiến thức mới hoặc giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

(2) Dạy học tích cực

Để rèn luyện năng lực thì quá trình dạy học phải được tổ chức như một quá trình tương tác có chủ định giữa thầy và trò nhằm tạo ra sự thay đổi về nhận thức, hành vi của học sinh để hướng tới những mục tiêu giáo dục cao hơn.

Kiến thức là cơ sở để rèn luyện năng lực, nhưng chỉ những kiến thức do người học tự kiến tạo, tự khám phá dưới sự hướng dẫn của thầy mới có thể tạo ra năng lực. Bởi lẽ, trong quá trình kiến tạo, khám phá kiến thức mới, người học đã đồng thời phải huy động, sử dụng hiệu quả những kiến thức đã có trước đó, hoặc tìm tòi từ các nguồn khác nhau.

(3) Tích hợp đánh giá, tự đánh giá vào quá trình dạy học

Chuẩn đầu ra quy định phải có một kế hoạch kiểm tra đánh giá cho bậc học, năm học, trong đó kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kì, tổng kết được tích hợp vào quá trình dạy học nhằm giúp học sinh có động lực học tập để tiến bộ không ngừng. Kiểm tra đánh giá phải tuân thủ nguyên tắc vì sự tiến bộ của người học.

f. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

(1) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được xem là quá trình thu thập, chỉnh lý, xử lý thông tin một cách hệ thống những kết quả học tập ở các giai đoạn khác nhau đối chiếu với mục tiêu dạy học ở từng giai đoạn và cuối cùng đối chiếu với chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học (Bộ GD&ĐT) để đánh giá sự tiến bộ của người học qua từng giai đoạn, đánh giá mức độ đạt chuẩn của người học và cuối cùng là đánh giá chất lượng của quá trình dạy học (với cách hiểu chất lượng là sự trùng khớp với mục tiêu, với chuẩn).

(2) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là một trong những khâu quan trọng nhất của quy trình dạy học. Kiểm tra, đánh giá định hướng cho toàn bộ quá trình dạy học, khuyến khích, tạo động lực cho người học, giúp người học tiến bộ không ngừng. Kiểm tra, đánh giá còn cung cấp cho giáo viên, nhà quản lý những thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình dạy học và quản lý để cùng đạt mục tiêu dạy học ngày càng cao.



g. Cấu trúc của chương trình giáo dục bao gồm hai bộ phận

Bộ phận nhìn thấy được (Visible curriculum) bao gồm:

1) Định hướng phát triển chương trình giáo dục;

2) Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học (được xác định thông qua khảo sát nhu cầu xã hội);

3) Nội dung đào tạo (thông qua các môn học đáp ứng chuẩn đầu ra);

4) Phương thức đào tạo (bao gồm: hình thức tổ chức đào tạo, hình thức tổ chức dạy - học, phương pháp, phương tiện, công cụ dạy - học);

5) Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo (Kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập).

Cấu trúc của chương trình giảng dạy có thể được biểu diễn như sau:

Bộ phận ẩn (Hidden curriculum) bao gồm:

1) Cơ sở triết học của chương trình giáo dục;

2) Cơ sở tâm lý học của chương trình giáo dục;

3) Cơ sở giáo dục học của chương trình giáo dục;

4) Cơ sở xã hội học của chương trình giáo dục;

5) Cơ sở lịch sử của chương trình giáo dục;

6) Cơ sở văn hóa.

Các yếu tố này thẩm thấu vào toàn bộ quy trình đào tạo, từ thiết kế, triển khai chương trình giáo dục, trong mọi hoạt động dạy - học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

h. Những nội dung cốt lõi của bộ phận nhìn thấy được của chương trình giáo dục bao gồm:

(1) Định hướng xây dựng chương trình giáo dục;

(2) Chuẩn kiến thức kĩ năng các môn học bậc phổ thông (lớp 1 – lớp 12);

(3) Các môn học với nội dung đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra;

(4) Bản hướng dẫn thực thi chương trình giáo dục (bao gồm: phương thức tổ chức đào tạo, bảng cân đối giữa chuẩn đầu ra với các môn học, trình tự thực hiện các môn học, các môn bắt buộc, các môn học tự chọn, các phương thức tổ hợp các môn học để tiến tới một văn bằng, các hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học v.v...);

(5) Kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá các môn học;

(6) Kế hoạch kiểm tra, đánh giá trong toàn bộ quá trình đào tạo.

2.2. Nhóm khái niệm về đánh giá chương trình giáo dục

a. Có nhiều định nghĩa về đánh giá chương

trình giáo dục, nhưng tựu trung có thể xem "Đánh giá chương trình giáo dục là quá trình thu thập và xử lí các cứ liệu để có thể quyết định chấp thuận, sửa đổi hay loại bỏ chương trình giáo dục đó." (A.C. Orstein, F.D. Hunkins, 1988).

Đánh giá chương trình giáo dục nhằm mục đích xem xét chương trình giáo dục có được thiết kế đúng quy trình không, quá trình thực thi có thể tạo ra sản phẩm phù hợp với chuẩn đầu ra đã được xác định trước đó không?

Đánh giá giúp xác định điểm mạnh, điểm yếu của chương trình giáo dục trước khi đem ra thực thi, hoặc để xác định hiệu quả của nó sau một thời gian nhất định.

Tùy theo cách tiếp cận trong thiết kế chương trình giáo dục, có thể có nhiều cách hiểu về chương trình giáo dục, tuy nhiên, mọi hoạt động đánh giá phải căn cứ vào chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục và phải trả lời được các câu hỏi sau:

1) Chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng) có được xác lập theo đúng quy trình không?

2) Các môn học được thiết kế, sắp xếp có/có thể đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra không?

3) Làm thế nào để cải tiến chương trình giáo dục?

b. Căn cứ mục đích đánh giá có thể có các hình thức đánh giá sau:

- Đánh giá quá trình thiết kế;

- Đánh giá giữa kì (Formative Assessment);

- Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

3. Phương thức đánh giá chương trình giáo dục

3.1. Các mô hình đánh giá

Có nhiều mô hình đánh giá chương trình giáo dục, như mô hình đánh giá theo mục tiêu (Goal-based model) của E.B. Taylor, mô hình CIPP của L.D. Stufflebeam, mô hình đánh giá sự khác biệt (Discrepancy Evaluation model) của Malcohn Provus, mô hình đánh giá không mục tiêu (Goal-free model) của Michael Scriven v.v..

Song, để đánh giá chương trình giáo dục phổ thông, theo tôi, nên dùng mô hình đánh giá theo mục tiêu là phù hợp vì đây là mô hình phổ biến và dễ sử dụng nhất.

3.2. Nội dung đánh giá

a. Ở giai đoạn xây dựng chương trình giáo dục:

- Đánh giá quá trình thiết kế

- Số lượng các sản phẩm

+ Định hướng xây dựng chương trình;

+ Bộ chuẩn kiến thức – kỹ năng (theo năng lực);

+ Các môn học với nội dung đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra;



- + Văn bản hướng dẫn thực thi chương trình giáo dục;
- + Kế hoạch kiểm tra đánh giá (theo năng lực) của cả chương trình giáo dục;
- + Kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá cho từng môn học.

- Quy trình xây dựng từng sản phẩm
- Chất lượng của từng sản phẩm (theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá).

Toàn bộ các sản phẩm trên được trình bày trong một văn bản được gọi là Education Program.

- b. *Ở giai đoạn triển khai chương trình giáo dục:*
- Đánh giá giữa kì
- Đánh giá tổng kết
- + Các yếu tố đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục;
- + Các hình thức tổ chức dạy - học, giáo dục, các phương pháp, phương tiện, công cụ giáo dục và dạy học, các hình thức kiểm tra đánh giá;
- + Mức độ tuân thủ hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục;

- + Các kết quả học tập thường xuyên, định kì, mức độ tiến bộ của học sinh sau mỗi giai đoạn;
- + Các kết quả đầu ra (tốt nghiệp, bỏ học, lưu ban, trúng tuyển đại học, cao đẳng, có công ăn việc làm v.v...);
- + Tác động xã hội.

3.3. Phương pháp đánh giá

- (i) Các phương pháp định lượng
- (ii) Các phương pháp định tính: điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn v.v...
- (iii) Các phương pháp thống kê

3.4. Quy trình đánh giá

- Các bước tiến hành (giai đoạn thiết kế)
- 1) Xác định mục đích đánh giá (để làm gì, cho ai?)
- 2) Lập kế hoạch đánh giá, bao gồm:
 - + Lập khung logic cho đợt đánh giá;
 - + Xác định các sản phẩm (nội dung) cần đánh giá
 - + Xây dựng các câu hỏi then chốt cho từng nội dung đánh giá;
 - + Lựa chọn mô hình đánh giá;
 - + Xác định các nguồn thông tin đánh giá;
 - + Lựa chọn phương pháp, phương tiện đánh giá;
 - + Xây dựng các công cụ đánh giá (bảng hỏi, v.v....);
 - + Lựa chọn phương pháp thu thập và xử lý thông tin;
 - + Xác định các tiêu chí đánh giá ứng với từng sản phẩm/nội dung đánh giá ;
 - + Lựa chọn người tham gia đánh giá;

- + Dự trù kinh phí đánh giá.
- 1) Thông báo kế hoạch và lộ trình đánh giá
- 2) Thu thập, xử lý thông tin
- 3) Viết báo cáo tổng kết

4. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình giáo dục

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra

a. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục xác định rõ những kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực mà người học xong có thể và phải thực hiện được, tương ứng với bậc đào tạo, phù hợp với trình độ phát triển của chuyên ngành đó.

b. Chuẩn đầu ra được thể hiện đầy đủ và rõ ràng trong nội dung các môn học trong phương thức tổ chức thực hiện chương trình giáo dục và hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.

c. Chuẩn đầu ra phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của giáo dục Việt Nam.

Tiêu chuẩn 2. Phương thức và lộ trình thực hiện chương trình giáo dục

a. Có văn bản hướng dẫn thực thi chương trình giáo dục, trong đó nêu rõ:

- Phương thức tổ chức đào tạo, thời lượng v.v....;
- Sự tương ứng của chuẩn đầu ra và nội dung các môn học;

- Các môn học tiên quyết, kế tiếp;
- Các môn học bắt buộc, tự chọn;
- Phương thức tổ hợp các môn học để kết thúc khóa học;
- Hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học.

b. Bản hướng dẫn thực thi chương trình giáo dục được thông báo công khai cho các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung của chương trình giáo dục

a. Chương trình giáo dục thể hiện tính cân đối giữa các nội dung, giữa lý thuyết và thực hành.

b. Nội dung chương trình thể hiện tính cập nhật với trình độ phương tiện kinh tế xã hội, khoa học và công nghệ.

c. Chương trình giáo dục thể hiện tính gắn kết, kế thừa giữa các khối kiến thức có trong chương trình giáo dục.

d. Nội dung chương trình giáo dục thể hiện triết lí của giáo dục Việt Nam, phù hợp với đặc trưng tâm lí, xã hội, văn hóa của con người Việt Nam.

(Xem tiếp trang 33)